

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 339/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Huỳnh AT, sinh năm 1976

2. Bà Lê Thị BT, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Số K Đường số B, Khu nhà ở AK, Tổ 3C, Khu phố 1, phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT qua thời gian tìm hiểu 01 năm, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 202, quyển số 02 đăng ký ngày 14/12/2005 tại Ủy ban nhân dân phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 09 năm, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do khác biệt trong cách sống, sinh hoạt hàng ngày, cuộc sống không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Hiện nay, ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông, bà cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT xác nhận có 01 (một) con chung là: Trẻ Huỳnh AN (nữ), sinh ngày 28/7/2008.

Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Lê Thị BT được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông Huỳnh AT cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 (Năm Triệu) đồng/tháng. Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT xác nhận không có nợ chung.

[5]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT cùng chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 202, quyển số 02 đăng ký ngày 14/12/2005 tại Ủy ban nhân dân phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, không còn giá trị pháp lý).

[1.2]. Về con chung: Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT xác nhận có 01 (một) con chung: Trẻ Huỳnh AN (nữ), sinh ngày 28/7/2008.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông Nguyễn AT đồng ý để bà Lê Thị BT được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Huỳnh An Nhiên (nữ), sinh ngày 28/7/2008, ông Huỳnh AT cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 (Năm Triệu) đồng/tháng. Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Huỳnh AT có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông AT lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lê Thị BT có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Tuấn.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[1.3]. Về tài sản chung: Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

[2]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT cùng chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032707 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh AT và bà Lê Thị BT đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Q.7, Tp.HCM;
- C/c THADS Q.7, Tp.HCM
- C/q thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu HSYVA (Thúy).
- Đương sự;

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy